

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71-NQ/CP
ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động 89-CTr/TU
ngày 25/02/2025 và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU ngày 22/5/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW
ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71-NQ/CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết số 71-NQ/CP); Chương trình hành động 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 (Chương trình hành động số 89-CTr/TU) và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU ngày 22/5/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị (Kế hoạch hành động số 475-KH/TU);

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 71-NQ/CP; Chương trình hành động số 89-CTr/TU và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU;

- Xác định rõ trách nhiệm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị của thành phố tổ chức triển khai, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/CP, Chương trình hành động số 89-CTr/TU và Kế hoạch hành động số 475-KH/TU nhằm tiếp tục phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS); đảm bảo gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ và thống nhất các nhiệm vụ từ thành phố đến cơ sở. Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị của thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện với lộ trình, thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể;

thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá kết quả để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương.

- Tăng cường sự phối hợp liên ngành, giữa các ngành với các địa phương, với các cơ quan, đơn vị, triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

- Tập trung thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu đề ra của Kế hoạch thông qua việc hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

- Ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST, CDS. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, đổi mới toàn diện trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, đồng thời tích cực hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, ĐMST, CDS để phát triển kinh tế số. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN, ĐMST và CDS.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao cho Thành phố tại Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71-NQ/CP.

II. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể khác

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS

1.1. Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/CP và Chương trình hành động số 89-CTr/TU, Kế hoạch hành động số 475-KH/TU trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển khoa học công nghệ, ĐMST và CDS thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, vị trí quan trọng của KHCN, ĐMST và CDS đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố trong tình hình mới.

1.3. Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của người đứng đầu, trong đó, quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố.

1.4. Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để

nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về KHCN, ĐMST, CDS dưới dạng dễ tiếp cận (video, infographic...) và đa dạng các hình thức tuyên truyền (mạng xã hội, website...).

1.5. Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS thành phố.

1.6. Tổ chức lớp học tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác quản lý nhà nước cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể thành phố.

1.7. Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng CDS.

1.8. Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác.

1.9. Xây dựng các biện pháp tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, học viên, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

2.1. Khẩn trương nghiên cứu, có giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, CDS phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.

2.2. Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về KHCN, ĐMST và CDS thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.

2.3. Tiếp tục tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 35/2021/QH15, ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

2.4. Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.5. Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường Đại học, Cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa...nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực.

2.6. Đề xuất và thí điểm một số mô hình phát triển khoa học công nghệ, ĐMST và CDS tại thành phố.

2.7. Xây dựng quy hoạch/chiến lược/kế hoạch để phát triển KHCN, ĐMST và CDS của thành phố giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo.

2.8. Ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030.

2.9. Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số tại thành phố.

2.10. Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược CDS, kinh tế số thành phố.

2.11. Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, ĐMST, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

2.12. Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.13. Xây dựng đề án triển khai chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn, trong đó chú trọng nghiên cứu, xây dựng Nhà máy sản xuất chip bán dẫn (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS

3.1. Cân đối ngân sách của thành phố dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với khả năng của ngân sách thành phố, phân đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm.

3.2. Huy động tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư KHCN, ĐMST và CDS.

3.3. Nghiên cứu đề xuất: Xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung; Trung tâm ươm tạo công nghệ và ĐMST và Công viên khoa học và ĐMST; thí điểm mô hình “Chính quyền số tiên phong” tại một số cấp chính quyền địa phương; Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như Bắc Sông Cấm, Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng.

3.4. Tiếp tục xem xét đầu tư xây dựng: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST Hải Phòng, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; Trung tâm dữ liệu (DC); Trung tâm tính toán thông minh/hiệu năng nâng cao; Dự án Khu đô thị Công nghệ.

3.5. Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu CDS và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.

3.6. Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của thành phố.

3.7. Triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường tại thành phố.

3.8. Kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh theo Chương trình số 01-Ctr/TU ngày 19/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 12/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.9. Đầu tư, nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố.

3.10. Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

3.11. Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.

3.12. Phát triển định mức trang thiết bị phương tiện chuyên dụng của Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ chuyên ngành các khu kinh tế biển, cảng biển.

3.13. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.14. Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo.

3.15. Ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy CDS, phát triển hệ sinh thái ĐMST tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.

3.16. Xây dựng các Khu công nghiệp công nghệ cao/Khu công nghiệp kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và CDS. (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS

4.1. Trình ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.

4.2. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.3. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.4. Nghiên cứu đề xuất và thí điểm xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

4.5. Nghiên cứu đề xuất và xây dựng chương trình đào tạo và thu hút nhân tài về Hải Phòng trong lĩnh vực công nghệ cao, AI, IoT, dữ liệu lớn, năng lượng tái tạo.

4.6. Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc để Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao về KHCN và CDS.

4.7. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy.

4.8. Tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó có thu hút nguồn lực trí thức người Việt Nam ở nước ngoài vào lĩnh vực chuyển giao công nghệ, phát triển KHCN và ĐMST, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực mới và có tính chiến lược.

4.9. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức KHCN công lập.

4.10. Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về KHCN, ĐMST và CDS.

4.11. Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.

4.12. Thí điểm phát triển kho dữ liệu học tập số và học liệu mở phục vụ sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố.

5. Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

5.1. Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

Đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được thực hiện hiệu quả, thông suốt trên môi trường mạng.

5.2. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn phục vụ quản lý, giám sát và ra

quyết định trong các lĩnh vực.

5.3. Triển khai nền tảng dữ liệu số về tài nguyên và môi trường biển, tích hợp với hệ thống thông tin địa lý (GIS) để hỗ trợ ra quyết định; Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu viễn thám, dự báo xói lở bờ biển, biến động rừng ngập mặn và chất lượng nước biển; Phát triển hệ thống cảm biến thông minh để giám sát rác thải nhựa đại dương, ô nhiễm dầu và biến đổi môi trường nước biển theo thời gian thực.

5.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước

5.5. Xây dựng nền tảng số tích hợp của thành phố.

5.6. Xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin kinh tế số của thành phố.

5.7. Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.

5.8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa, thể thao, du lịch:

- CDS trong trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng.

- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý bản đồ số di sản lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng Đề án di sản số Quần đảo Cát Bà.

- Triển khai hệ thống thông tin nguồn.

- Số hóa hình ảnh và thuyết minh các điểm du lịch trên địa bàn thành phố (giai đoạn 2).

5.9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công Thương:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan.

- Duy trì, vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử thành phố Hải Phòng tại địa chỉ: www.hoaphuong.gov.vn.

- Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng.

5.10. Thúc đẩy mạnh mẽ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thế mạnh của địa phương.

5.11. Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5.12. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ "Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng".

5.13. Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.

5.14. Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp, ứng dụng trí tuệ

nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ ra quyết định.

5.15. Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

5.16. Phát triển hạ tầng số: Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G.

5.17. Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về CDS, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.

5.18. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

5.19. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.

5.20. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố: công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, dịch vụ logistics, y học biển, dược phẩm biển.

5.21. Tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp ĐMST trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

5.22. Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

5.23. Tiêu chuẩn hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, để ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

5.24. Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.

5.25. Tăng cường ứng dụng phát triển công nghệ tại Vườn Quốc gia Cát Bà:

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà.

- Ứng dụng các phần mềm công nghệ cao trong quản lý, phát triển, xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

5.26. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo:

- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tập trung, kết nối dữ liệu giáo dục từ các cơ sở giáo dục và đào tạo tới Sở; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích, dự báo và ra quyết định quản lý.

- Triển khai số hóa toàn bộ hoạt động của đơn vị gồm: công tác hành chính, tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất, quản lý hoạt động chuyên môn.... trên nền tảng số thống nhất.

- CDS trong Dạy học thông minh: xây dựng và triển khai nền tảng học tập số hỗ trợ học trực tuyến, học kết hợp được cá nhân hóa. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), AI trong quá trình dạy và học (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

- Phát triển nhân lực số trong giáo dục và đào tạo: triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số, tư duy ĐMST và khả năng ứng dụng công nghệ, đặc biệt là AI, cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh (học viên, sinh viên), nhằm nâng cao năng lực thích ứng và chủ động trong CDS toàn diện.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp

6.1. Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện CDS, khởi nghiệp ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 (hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong thành phố quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS...).

6.2. Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

6.3. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp (Start-up) trong lĩnh vực kinh tế biển xanh, tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, chính sách hỗ trợ và hợp tác quốc tế về ĐMST trong khai thác tài nguyên biển bền vững.

6.4. Tăng cường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển KHCN, ĐMST và CDS của thành phố.

6.5. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo hình thức đối tác công tư (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

6.6. Tổ chức các sự kiện, hội thảo, triển lãm KHCN mang tầm quốc tế và khu vực để kết nối các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và nhà đầu tư. Lựa chọn các doanh nghiệp Start-up có tiềm năng, tiêu biểu để hỗ trợ và nhân rộng.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS

7.1. Xây dựng kế hoạch cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các

địa phương khác, các nước phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

7.2. Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực từ các Quỹ đầu tư của nước ngoài triển khai các dự án thử nghiệm về công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, CDS trong các lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển, logistics và các nguồn hợp pháp khác.

7.3. Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao. Tăng cường xúc tiến, tổ chức triển khai các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về khoa học công nghệ, ĐMST, CDS (*Nhiệm vụ, giải pháp mang tính chiến lược, đặc thù*).

7.4. Tổ chức diễn đàn công nghệ quốc tế, kết nối doanh nghiệp địa phương với các tập đoàn công nghệ lớn và kêu gọi quỹ đầu tư nước ngoài rót vốn vào doanh nghiệp khoa học công nghệ tại Hải Phòng.

7.5. Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về KHCN, ĐMST và CDS.

7.6. Tích cực tham gia các chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế. Ưu tiên tham gia các dự án nghiên cứu về công nghệ số tiên tiến, các giải pháp CDS trong các lĩnh vực trọng điểm.

7.7. Thường xuyên tổ chức các hoạt động triển lãm, diễn đàn, sàn giao dịch công nghệ để giới thiệu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, công nghệ trong và ngoài nước.

8. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về CDS thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021 của của Ban Thường vụ Thành ủy; Kế hoạch số 110/KH-UBND thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị và Kết luận số 312-KL/TI ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố.

C. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Ủy ban nhân dân thành phố phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày

22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 03-NQ/CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 89-CTr/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố Hải Phòng.

Các nội dung đã thực hiện theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28/02/2025 tiếp tục được triển khai thực hiện và cập nhật theo Kế hoạch này.

2. Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành, đoàn thể của thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động, kịp thời phản ánh bằng Văn bản (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận:

- TTTU, BTVTU;
- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban thuộc Thành ủy;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- VPTU;
- VP Đoàn BDQH&HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND cấp huyện, cấp xã;
- CPVP UBND TP;
- Các Tổ chức KH&CN, Viện, Trường ĐH (giao Sở KHCN gửi);
- Phòng: VX, KSTTHC, TCNS, HC-QT, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ KHCN và ĐMST	Thứ bậc	Top 3 các địa phương dẫn đầu về phát triển KHCN và ĐMST	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, ĐMST của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực KHCN	Thứ bậc	Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, logistic đạt trình độ quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc	Phần đầu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	62-65	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
11.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Sở Khoa học và Công nghệ
11.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
11.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
11.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
11.7	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
11.8	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
11.9	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
12	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Ngân hàng Nhà nước thành phố
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	KHCN và ĐMST góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia	% tổng chi NSNN	Phần đầu đạt 3%	Sở Tài chính
18	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	2-3	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Sở Khoa học và Công nghệ
23.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
23.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Khoa học và Công nghệ
24	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại thành phố	Chính quyền địa phương	>5	Sở Khoa học và Công nghệ UBND các cấp chính quyền

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
				địa phương
25	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 1	Sở Tài chính
26	Quản lý nhà nước từ cấp Thành phố đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
27	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an thành phố
28	Hình thành sản dữ liệu	Sản dữ liệu	5	Công an thành phố
29	Hình thành các Trung tâm dữ liệu chung của thành phố	Trung tâm dữ liệu thành phố	≥ 3	Công an thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành phố
31	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
32	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
34	Hoàn thành xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của Công an thành phố	Cơ sở	01	Công an thành phố
35	Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	50	Sở Khoa học và Công nghệ
36	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
36.1	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	> 95% đối với cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			> 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục.	
36.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.5	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	%	85	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Đến năm 2045			
37	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ
38	Chỉ số ĐMST toàn cầu	Thứ bậc	≤ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/1000 dân	1	Sở Khoa học và Công nghệ
40	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
41	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 5	Sở Tài chính

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	Thành phố.			
42	Làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia	%	20- 50	Công an thành phố
43	Mức độ CDS đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
45	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và DMST hoạt động thường xuyên.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo

PHỤ LỤC 2: CÁC CHỈ TIÊU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ THEO GIAI ĐOẠN 05 NĂM

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
I	Phát triển hạ tầng							
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trong khu đô thị trên địa bàn thành phố	≥60%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
2	Tỷ lệ phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không, khu du lịch, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps	≥60%	100%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
4	Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn thành phố	-	-	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
5	Tỉ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn thành phố	-	-	50%	80%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
II	Phát triển nguồn lực							
6	Tỉ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS trong tổng chi ngân sách thành phố	phần đầu ít nhất 3%	phần đầu ít nhất 3%	đạt 3%	đạt trên 3%	đạt trên 3,5%	Sở Tài chính	Bộ số liệu báo cáo
7	Tỷ lệ kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) trong GRDP	-	2%	2%	2%	2%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	80%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Các cấp chính quyền địa phương.	Bộ số liệu báo cáo
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	80%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
10	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp thành phố được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ; Các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo
11	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	80%	90%	95%	97%	100%	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng.	Bộ số liệu báo cáo
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số...	-	-	-	80-90%	≥ 90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
13	Số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST trên 01 vạn dân.	Có từ 07 người	Có từ 12 người	Có từ 20 người	Có từ 33 người	Có từ 54 người	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
14	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	≥ 75%	≥ 95%	100%	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
15	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ CDS đạt mức 2 trở lên	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
16	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	$\geq 90\%$	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
17	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	$\geq 80\%$	-	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
18	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học	-	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
19	Tỷ lệ Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, ĐMST vào các môn học và hoạt động giáo dục	-	$\geq 95\%$		100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
20	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục trung học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và ĐMST hoạt động thường xuyên.	-	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
21	Tỷ lệ Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	-	100%	-	-	-	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ số liệu báo cáo
III	Phát triển KHCN							
22	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn thành phố.	≥ 300	≥ 600	≥ 1.200	≥ 2.000	≥ 3.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
23	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.	≥ 75	≥ 150	≥ 250	≥ 300	≥ 400	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
24	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc thành phố.	≥ 4	≥ 6	≥ 8	≥ 10	≥ 12	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
25	Số lượng công trình khoa học và công nghệ cấp thành phố được nghiệm thu / năm	≥ 30	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
26	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố triển khai / năm	≥ 30	≥ 50	≥ 80	≥ 120	≥ 160	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
27	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 75\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
28	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích) / năm	≥ 25	≥ 40	≥ 80	≥ 120	≥ 180	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
29	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh	$\geq 10\%$	$\geq 25\%$	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
30	Số lượng bài báo khoa học (Scopus/ISI) có địa chỉ tác giả tại thành phố / năm	≥ 50	≥ 150	≥ 300	≥ 500	≥ 800	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
31	Số lượng trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc ĐMST của thành phố đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.	-	-	-	07 đến 10	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
32	Số lượng trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm thành phố thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư	-	-	-	15 đến 20	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
33	Số công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực/ năm	≥ 1	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
IV	Phát triển hệ sinh thái ĐMST							
34	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	≥ 200	≥ 400	≥ 500	≥ 1000	≥ 1500	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
35	Số lượng vườn ươm, trung tâm ĐMST.	≥ 3	≥ 7	≥ 12	≥ 18	≥ 25	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
36	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	$\geq 15\%$	$\geq 30\%$	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
37	Số lượng sản phẩm ĐMST được thương mại hóa / năm	≥ 20	≥ 60	≥ 150	≥ 300	≥ 500	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương.	Bộ số liệu báo cáo
38	Số lượng dự án ĐMST được hỗ trợ từ ngân sách thành phố / năm	≥ 10	≥ 30	≥ 60	≥ 100	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
39	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại thành phố / năm	≥ 10	≥ 20	≥ 50	≥ 100	≥ 200	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
40	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan ĐMST / năm	≥ 50	≥ 300	≥ 700	≥ 1200	≥ 1800	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
41	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	$\geq 10\%$	≥ 25	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính.	Bộ số liệu báo cáo
42	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận/ năm	≥ 60	≥ 70	≥ 120	≥ 180	≥ 250	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
43	Xếp hạng thành phố có chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu hoặc xếp hạng cả nước về thành phố có hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu.	-	200 đến 300 hoặc top 3 cả nước	-	-	-	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
V	Phát triển CDS							
44	Chỉ số CDS thành phố	$\geq 0,77$	$\geq 0,8$	$\geq 0,85$	$\geq 0,92$	đạt 1,0	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
45	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; địa phương; đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
46	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
47	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	$\geq 70\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
48	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	$\geq 80\%$	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
49	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	100%	100%	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo
50	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	100%	Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
51	Tỷ lệ hệ thống thông tin của thành phố vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	$\geq 40\%$	70%	$\geq 90\%$	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
52	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của thành phố được số hóa & liên thông tới Trung ương.	$\geq 50\%$	80%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo
53	Tỷ lệ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.	$\geq 60\%$	85%	100%	100%	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành	Bộ số liệu báo cáo
54	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	$\geq 30\%$	60%	$\geq 85\%$	$\geq 95\%$	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Bộ số liệu báo cáo
55	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	$\geq 10\%$	20%	30%	40%	Công an thành phố	Bộ số liệu báo cáo
56	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	$\geq 70\%$	85%	$\geq 95\%$	100%	100%	Công an thành phố; Các Sở, ngành; Các cấp chính quyền địa phương, đơn vị	Bộ số liệu báo cáo

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Sản phẩm đầu ra
57	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền cấp xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	$\geq 60\%$	90%	100%	100%	100%	Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền địa phương	Bộ số liệu báo cáo
58	Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP	30%	40%	45-50%	50-55%	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ số liệu báo cáo

**PHỤ LỤC 3: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ CHUNG CỦA THÀNH PHỐ
THEO NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 71/NQ-CP**

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỘT PHÁ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY, XÁC ĐỊNH QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TẠO XUNG LỰC MỚI, KHÍ THỂ MỚI TRONG TOÀN XÃ HỘI VỀ PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
1-3.	Nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm.	Xây dựng chương trình chuyên biệt về KHCN, ĐMST và CDS trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội	2	Trung tâm Báo chí và Truyền thông	Chương trình	Thường xuyên
		Cụ thể hóa nhiệm vụ CDS, phát triển KHCN, ĐMST trong chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	6	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Kế hoạch công tác	Thường xuyên
		Hoàn thành xây dựng, cập nhật điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	7	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Tháng 3/2025
4.	Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có	Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có	9	Các cấp	Có tỷ lệ cụ	Thường

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
	trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp.	chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.		chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	thể	xuyên
5-6.	Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về KHCN, ĐMST, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	3	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Thường xuyên
		Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về KHCN, ĐMST và CDS.	12	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình, kế hoạch được ban hành	Tháng 9/2025
II	KHẨN TRƯỞNG QUYẾT LIỆT HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÓA BỎ MỌI TƯ TƯỞNG, QUAN NIỆM, RÀO CẢN ĐANG CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN, ĐƯA THỂ CHẾ THÀNH MỘT LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST VÀ CDS					
7-8.	Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật... đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ; tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân,	48	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Hoàn thành số hóa	Tháng 9/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
		doanh nghiệp				
		Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp, triển khai tiếp cận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố	49	Các cấp chính quyền, các sở, ngành, đơn vị	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025
III	TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHO KHCN, ĐMST VÀ CDS QUỐC GIA					
9.	Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược	Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh	80	Sở Khoa học và Công nghệ	Đề án được ban hành và triển khai	Tháng 6/2028
10.	Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội	90	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các CSDL	Tháng 6/2026

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
11.		Xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho thành phố để quản lý, phát triển	79	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 9/2026
12.	Xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	74	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối liên thông	Tháng 12/2025
13-14.	Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	81	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Quyết định của Thủ tướng chính phủ	Tháng 9/2025
		Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	82	Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu kinh tế	Kế hoạch của UBND thành phố	Tháng 9/2025
15.	Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; đầu tư xây dựng các trung tâm dữ	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-	92	Sở Khoa học và Công nghệ, Công	Khắc phục lỗ hổng bảo mật...	Tháng 5/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
	liệu vùng	CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ		an thành phố, các cấp chính quyền, đơn vị		
16.	Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	91	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Hoàn thành kết nối	Tháng 9/2026
17.	Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	71	Sở Khoa học và Công nghệ và các cấp chính quyền, đơn vị	Báo cáo	Thường xuyên
V	ĐẨY MẠNH CDS, ỨNG DỤNG KHCN, ĐMST TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ; NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ QUỐC GIA, HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH					
18.		Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ phục vụ CDS về Phát triển kinh tế ban đêm, đảm bảo kết nối với Đề án 06.	147 (8)	Sở Tài chính	Tổ chức triển khai đảm bảo kết nối Đề án 06	Tháng 9/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
19.		Hoàn thành triển khai các nhiệm vụ phục vụ CDS đảm bảo kết nối với Đề án 06: Mô hình điểm tại tỉnh thành phố có đảo (nếu có)	147 (11)	Sở Tài chính, Công an thành phố,	Hoàn thành mô hình	Tháng 9/2025
20.		Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	154	Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	Năm 2025 và những năm tiếp theo
VI	THÚC ĐẨY MẠNH MỀ HOẠT ĐỘNG KHCN, ĐMST VÀ CDS TRONG DOANH NGHIỆP					
21.	Có chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCN, ĐMST và CDS, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP)	132	Sở Tài chính	Kế hoạch	Tháng 9/2025

TT	Tên nhiệm vụ (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)	Nhiệm vụ tương ứng (Nghị quyết 71 và các Thông báo kết luận Phiên họp BCĐTW)	Stt nhiệm vụ trong NQ 71	Đơn vị chủ trì, theo dõi đánh giá	Kết quả cần đạt	Thời gian hoàn thành
22.	Cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Phát triển một số khu công nghiệp công nghệ số	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	173	Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Khoa học và Công nghệ,	Các khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghệ thông tin tập trung được triển khai	Tháng 6/2028
23.	Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Công bố danh mục các bài toán lớn về KHCN, ĐMST và CDS của thành phố	170	Sở Khoa học và Công nghệ	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của bộ, ngành, địa phương	Hằng năm
24.	Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	176	Sở Công thương	Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành	Tháng 12/2025

PHỤ LỤC 4: PHÂN CÔNG CÁC NHIỆM VỤ KHÁC THỰC HIỆN TẠI THÀNH PHỐ

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
1.1	Tổ chức triển khai, nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/CP và Chương trình hành động số 89-CTr/TU	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị		Hội nghị	4/2025
1.2	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan truyền thông, báo chí làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy ban MTTQ Việt nam thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội; các sở ban ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đoàn thể, các đơn vị, các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí	Bài báo, Phóng sự, Clip...	Hàng năm
1.3	Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chí xếp loại và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu, trong đó, quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ về phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại thành phố. Nghiên cứu đề xuất ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Quy tắc/ Quy chế	11/2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1.4	Xây dựng và đổi mới chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển KHCN và ĐMST, thực hiện CDS trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, ĐMST, CDS dưới dạng dễ tiếp cận (video, infographic...) và đa dạng các hình thức tuyên truyền (mạng xã hội, website...)"	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch, Tài liệu tuyên truyền	Hàng năm
1.5	Tổ chức các lớp "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức KHCN, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
1.6	Tổ chức lớp học tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (A.I) trong công tác quản lý nhà nước cho các cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch, Lớp học	Hàng năm
1.7	Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ tri thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	mạng CDS	đơn vị			
1.8	Xây dựng quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Quy tắc	11/2025
1.9	Xây dựng các biện pháp tăng cường quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh, học viên, sinh viên trên môi trường mạng góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
2	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
2.1	Khẩn trương nghiên cứu, có giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, CDS phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị thành phố sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	06/2025
2.2	Rà soát các quy định của pháp luật liên quan về KHCN, ĐMST và CDS thành phố đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới theo thẩm quyền.	Các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch, Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2.3	Tiếp tục tham mưu xây dựng, triển khai Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2026
2.4	Nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2026
2.5	Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường Đại học, Cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa...nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực	Các trường Đại học, Cao đẳng của Thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	11/2027
2.6	Đề xuất và thí điểm một số mô hình phát triển khoa học công nghệ, ĐMST và CDS tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025 - 2030
2.7	Xây dựng quy hoạch/ chiến lược/kế hoạch để phát triển KHCN, ĐMST và CDS của thành phố giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Quy hoạch/ Chiến lược/Kế hoạch	2025 - 2030
2.8	Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Chương trình khoa học công nghệ Biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo	2025 - 2030

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			vị liên quan	cáo	
2.9	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số tại thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2027
2.10	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược CDS, kinh tế số thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2027
2.11	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, ĐMST, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2026
2.12	Nghiên cứu đề xuất xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.	Sở Nội Vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2026
2.13	Xây dựng đề án triển khai chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn, trong đó chú trọng nghiên cứu, xây dựng Nhà máy sản xuất chip bán dẫn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Báo cáo	12/2026
3	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KHCN, ĐMST và CDS				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.1	Cân đối ngân sách của thành phố dành cho hoạt động KHCN, ĐMST và CDS phù hợp với khả năng của ngân sách thành phố, phân đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm.	Sở Tài chính	Sở Tài chính; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hằng năm
3.2	Huy động tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hằng năm
3.3	Nghiên cứu đề xuất: Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm ươm tạo công nghệ và ĐMST và Công viên khoa học và ĐMST; thí điểm mô hình “Chính quyền số tiên phong” tại một số cấp chính quyền địa phương; Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phát triển, nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao ở các khu vực như Bắc Sông Cẩm, Nam Đình Vũ, Văn Úc, Tiên Lãng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025 - 2030
3.4	Tiếp tục xem xét đầu tư xây dựng: Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST Hải Phòng, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) thành phố Hải Phòng, Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; Trung tâm dữ liệu (DC); Trung tâm tính toán thông minh/hiệu năng nâng cao; Dự án Khu đô thị Công nghệ.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Dự án đầu tư/ Báo cáo	11/2026
3.5	Nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp	Sở Khoa học và	Sở Tài chính; Các sở, ban,	Báo cáo, Cơ	Hằng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	ứng yêu cầu CDS và đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án 06/CP của Chính phủ.	Công nghệ	ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	sở hạ tầng được nâng cấp	
3.6	Triển khai cấp chứng thư số đến 100% cán bộ, công chức của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo hoàn thành triển khai 100%	11/2026
3.7	Triển khai nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường, các ứng dụng AI hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường tại thành phố.	Sở Nông nghiệp và Tài nguyên	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.8	Kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh theo Chương trình số 01-Ctr/TU ngày 19/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 12/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.9	Đầu tư, nâng cao năng lực và vận hành hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
3.10	Triển khai tổ chức thực hiện đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2027
3.11	Nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng Trung tâm thu thập thông tin camera giám sát và chia sẻ, kết nối với các Sở, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội.	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2027
3.12	Phát triển định mức trang thiết bị phương tiện chuyên dụng của Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ chuyên ngành các khu kinh tế biển, cảng biển.	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.13	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
3.14	Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong giai đoạn 2026 – 2030 và các giai đoạn tiếp theo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/ Dự án đầu tư	Hàng năm
3.15	Ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thúc đẩy CDS, phát triển hệ sinh thái ĐMST tại các cơ sở giáo dục và đào tạo nhằm xây dựng	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/ Kế hoạch, dự án đầu tư	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	nền tảng vững chắc cho cho nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực số.				
3.16	Xây dựng các Khu công nghiệp công nghệ cao/Khu công nghiệp kiểu mẫu về ứng dụng công nghệ thông tin và CDS.	Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/ Các khu được vận hành	Hàng năm
4	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS				
4.1	Trình ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài thành phố Hải Phòng.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Nghị quyết	10/2025
4.2	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 13/5/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.3	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Trường Đại học Hải Phòng	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2030
4.4	Nghiên cứu đề xuất và thí điểm Xây dựng Đại học số, mô hình ISO số phục vụ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực	Trường Đại học Hải Phòng	Sở Giáo dục và đào tạo; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn	Báo cáo	2025 - 2027

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			vị liên quan		
4.5	Nghiên cứu đề xuất và xây dựng chương trình đào tạo và thu hút nhân tài về Hải Phòng trong lĩnh vực công nghệ cao, AI, IoT, dữ liệu lớn, năng lượng tái tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hải Phòng; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/Chương trình đào tạo	11/2026
4.6	Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên toàn quốc để Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao về KHCN và CDS.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hải Phòng; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/Chương trình đào tạo	11/2026
4.7	Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu để đưa chương trình thực tế vào giảng dạy.	Đại học Hải Phòng; Các trường Đại học, Cao đẳng của thành phố.	Sở Giáo dục và đào tạo; Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.8	Tăng cường hợp tác quốc tế, trong đó có thu hút nguồn lực trí thức người Việt Nam ở nước ngoài vào lĩnh vực chuyển giao công nghệ, phát triển KHCN và ĐMST, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực mới và có tính chiến lược.	Sở Ngoại vụ	Sở Nội vụ; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.9	Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn	Báo cáo/Quy hoạch	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			vị liên quan		
4.10	Xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.11	Đào tạo kỹ năng số cho người dân thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
4.12	Thí điểm phát triển kho dữ liệu học tập số và học liệu mở phục vụ sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố.	Trường Đại học Hải Phòng	Sở Giáo dục và Đào tạo, Thư viện Thành phố, Các Trường Đại học, Cao đẳng của Thành phố, Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan;	Báo cáo/ Kho dữ liệu	2025-2027
5	Đẩy mạnh CDS, ứng dụng KHCN, ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
5.1	Đảm bảo hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.				
5.2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn phục vụ quản lý, giám sát và ra quyết định trong các lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu	Hàng năm
5.3	Triển khai nền tảng dữ liệu số về tài nguyên và môi trường biển, tích hợp với hệ thống thông tin địa lý (GIS) để hỗ trợ ra quyết định; Ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu viễn thám, dự báo xói lở bờ biển, biến động rừng ngập mặn và chất lượng nước biển; Phát triển hệ thống cảm biến thông minh để giám sát rác thải nhựa đại dương, ô nhiễm dầu và biến đổi môi trường nước biển theo thời gian thực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.4	Đẩy mạnh Ứng dụng công nghệ số chuyên dùng (Phần mềm, phần cứng) phục vụ nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
5.5	Xây dựng nền tảng số tích hợp của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Nền tảng số tích hợp	Hàng năm
5.6	Xây dựng và cập nhật hệ thống thông tin kinh tế số của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Hệ thống thông tin	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			quyền địa phương, các đơn vị liên quan	kinh tế số	
5.7	Ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý hạ tầng.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa, du lịch:				
	- CDS trong trưng bày tại Bảo tàng Hải Phòng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	12/2025
	- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý bản đồ số di sản lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh thành phố Hải Phòng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Hệ thống phần mềm	12/2026
	- Xây dựng Đề án di sản số Quần đảo Cát Bà.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Đề án	12/2025
	- Triển khai hệ thống thông tin nguồn.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2025-2028
	- Số hoá hình ảnh và thuyết minh các điểm du lịch trên địa bàn thành phố (giai đoạn 2)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo số hóa và	2026-2027

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
			vị liên quan	thuyết minh	
5.9	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành ngành Công thương:				
	- Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm công nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	Duy trì, vận hành Sàn giao dịch thương mại điện tử thành phố Hải Phòng tại địa chỉ www.hoaphuong.gov.vn	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo vận hành	Hàng năm
	- Số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu logistics thành phố Hải Phòng.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu	11/2026
5.10	Thúc đẩy mạnh mẽ, giải pháp kích thích kinh tế số trong nông nghiệp và phát triển nông thôn; đưa thương mại điện tử, chữ ký số vào hoạt động mua, bán nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm thể mạnh của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.11	Xây dựng phần mềm Quản lý người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	Sở Nội vụ	Sở Ngoại vụ; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Phần mềm	12/2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
5.12	Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin công chứng”.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Cơ sở dữ liệu	Hàng năm
5.13	Triển khai trợ lý ảo cho cán bộ, công chức và người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Trợ lý ảo	Hàng năm
5.14	Triển khai nền tảng phân tích xử lý dữ liệu tổng hợp, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ ra quyết định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Nền tảng phân tích xử lý	Hàng năm
5.15	Triển khai nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng công nghệ thông tin	Hàng năm
5.16	Thiết lập hạ tầng viễn thông di động mặt đất công nghệ 5G.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo Hạ tầng viễn thông	Hàng năm
5.17	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về CDS, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	nhập khẩu.				
5.18	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan		Báo cáo/ Quy trình	Hàng năm
5.19	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng.	Công an thành phố	Công an thành phố; Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.20	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển các ngành kinh tế chủ lực của thành phố: công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, cơ khí giao thông, dịch vụ logistics, y học biển, dược phẩm biển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.21	Tăng cường hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp ĐMST trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.22	Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
5.23	Tiêu chuẩn hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài, đề ngăn chặn việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng công nghệ, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.24	Triển khai sâu rộng các hoạt động sáng tạo tạo ra tài sản trí tuệ, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
5.25	Tăng cường ứng dụng phát triển công nghệ tại Vườn Quốc gia Cát Bà:				
	- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI để xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo sớm cháy rừng tại Khu dự trữ sinh quyển Cát Bà.	Vườn Quốc gia Cát Bà	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	12/2026
	- Ứng dụng các phần mềm công nghệ cao trong quản lý, phát triển, xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cát Bà.	Vườn Quốc gia Cát Bà	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	2026-2027
5.26	Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo:				
	- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý tập	Sở Giáo dục và	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Báo cáo/ Hệ thống dữ	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	trung, kết nối dữ liệu giáo dục từ các cơ sở giáo dục và đào tạo tới Sở; ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data) trong phân tích, dự báo và ra quyết định quản lý.	Đào tạo	quyền địa phương, các đơn vị liên quan	liệu	
	- Triển khai số hóa toàn bộ hoạt động của đơn vị gồm: công tác hành chính, tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất, quản lý hoạt động chuyên môn.... trên nền tảng số thống nhất.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/ Dữ liệu số hóa	Hàng năm
	- CDS trong Dạy học thông minh: xây dựng và triển khai nền tảng học tập số hỗ trợ học trực tuyến, học kết hợp được cá nhân hóa. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), AI trong quá trình dạy và học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
	- Phát triển nhân lực số trong giáo dục và đào tạo: triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số, tư duy ĐMST và khả năng ứng dụng công nghệ, đặc biệt là AI cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh (học viên, sinh viên), nhằm nâng cao năng lực thích ứng và chủ động trong CDS toàn diện.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
6	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KHCN, ĐMST và CDS trong doanh nghiệp				
6.1	Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thực hiện CDS, khởi nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính	Chương trình	11/2026

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 (hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong thành phố quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về CDS...)		quyền địa phương, các đơn vị liên quan		
6.2	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Hướng dẫn	Hàng năm
6.3	Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp (Start-up) trong lĩnh vực kinh tế biển xanh, tạo điều kiện tiếp cận nguồn vốn, chính sách hỗ trợ và hợp tác quốc tế về ĐMST trong khai thác tài nguyên biển bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
6.4	Tăng cường đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển KHCN, ĐMST và CDS của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
6.5	Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động phát triển KHCN, ĐMST và CDS theo hình thức đối tác công tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo	Hàng năm
7	Tăng cường hợp tác trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
7.1	Xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các địa phương khác, các nước phát triển KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch	Hàng năm
7.2	Tăng cường hợp tác và huy động nguồn lực từ các Quỹ đầu tư của nước ngoài triển khai các dự án thử nghiệm về công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng mới, CDS trong các lĩnh vực hàng hải, kinh tế biển, logistics và các nguồn hợp pháp khác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
7.3	Mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút FDI vào công nghệ cao. Tăng cường xúc tiến, tổ chức triển khai các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về khoa học công nghệ, ĐMST, CDS.	Ban Quản lý Khu kinh tế thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ; các sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
7.4	Tổ chức diễn đàn công nghệ quốc tế, kết nối doanh nghiệp địa phương với các tập đoàn công nghệ lớn và kêu gọi quỹ đầu tư nước ngoài rót vốn vào doanh nghiệp KH&CN tại Hải Phòng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Báo cáo	Hàng năm
7.5	Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các cấp chính quyền địa phương và đơn vị liên quan	Kế hoạch/ Bản ký kết	Hàng năm
8	Các nhiệm vụ, giải pháp khác				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện/hoàn thành
	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 312-KL/TU ngày 15/02/2024; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 26/10/2021; Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan	Báo cáo/Kế hoạch/Số liệu	Theo thời gian tại các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch đã phê duyệt